

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 559/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Khanh.

Bà Trần Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:
Ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 793/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Vũ Hoàng Ngọc H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: ông Nguyễn Phước T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: đường số 5, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/10/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Hoàng Ngọc H trình bày: bà và ông Nguyễn Phước T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày

08/02/2018.

Quá trình chung sống từ khi kết hôn đến nay, bà H và ông T chưa bao giờ đạt được hạnh phúc, hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về tài chính, ông T không quan tâm đến vợ con. Hai bên sống ly thân từ tháng 06/2021 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Bà H và ông T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Vũ Thiên A, sinh ngày 30/3/2019 và Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 06/02/2021. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi trẻ.

Bà H trình bày: từ tháng 12/2020 trở về trước, bà và ông T cùng trẻ A cư trú tại nhà số đường số 5, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 12/2020 đến nay, bà về nhà mẹ ruột tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh trẻ K và sống tại đây cho đến nay. Trước đây, bà nội trẻ A có hứa sau khi bà H và ông T ly hôn thì sẽ giao trẻ A cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng nên bà yên tâm để trẻ A sống cùng gia đình bên nội.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết ly hôn thì ông T có tranh chấp giành quyền nuôi trẻ A với bà. Theo bà H thì ông T không thể trực tiếp chăm sóc con mà phải nhờ ông bà nội chăm trẻ A, do ông T phải đi trực vào ban đêm. Khả năng tài chính của ông T không đảm bảo cho việc nuôi con do ông T có khoản nợ riêng bên ngoài. Mặt khác, cha ông T sắp nghỉ hưu còn mẹ ông T ở nhà nội trợ không có thu nhập nên điều kiện kinh tế không đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu A. Ngược lại, cá nhân bà H có đầy đủ khả năng và thời gian, sức khỏe cũng như khả năng tài chính để chu toàn cho việc nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc con chung. Công việc của bà H làm giờ hành chính, với mức lương hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng, bên cạnh đó bà còn buôn bán online. Ngoài ra, hiện tại bà còn có một khoản tiền tiết kiệm riêng. Hiện tại trẻ A và trẻ K vẫn còn quá nhỏ, rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các bản tự khai ngày 18/11/2021, ngày 09/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phước T trình bày: ông xác nhận lời trình bày của bà H về nơi đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 07/2021 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T thống nhất ly hôn với bà H.

Về con chung: ông T đồng ý giao trẻ K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông

T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Ông T trình bày: từ trước đến nay, trẻ A luôn sống cùng nhà với ông T, được chăm sóc đầy đủ, có ông bà nội phụ giúp chăm lo cho trẻ rất tốt và dành nhiều tình cảm cho trẻ. Nếu trẻ A giao cho bà H thì phải đi nhà trẻ, bà H không thể chăm sóc cho cả hai con chu đáo được vì bà H còn phải đi làm. Ông T sẵn sàng tạo điều kiện cho bà H được thăm nom con, đón con về ngoại chơi rồi đưa con về cho ông T khi ông được trực tiếp nuôi trẻ A. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà H được nuôi hai con chung thì ông T đồng ý sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi trẻ.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định đúng tư cách và triệu tập đủ các đương sự tham gia tố tụng; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: xét bà H xác định tình cảm không còn và có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với ông T. Ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, căn cứ Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn giữa bà H với ông T. Về con chung: xét thấy, 02 trẻ dưới 36 tháng tuổi và căn cứ vào điều kiện kinh tế của bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 trẻ Nguyễn Vũ Thiên A và Nguyễn Hoàng Minh K cho bà H nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho trẻ, ông T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 tháng cho mỗi trẻ. Về tài sản chung, nợ chung các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Vũ Hoàng Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Phước T. Bị đơn ông Nguyễn Phước T cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2018 xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Hoàng Ngọc H và ông Nguyễn Phước T là hợp pháp.

Bà H và ông T thống nhất về việc ly hôn. Xét, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông T.

[3] Về con chung: bà H và ông T cùng xác nhận có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Vũ Thiên A, sinh ngày 30/3/2019 và Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 06/02/2021.

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung. Ông T đồng ý giao trẻ K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A.

Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là quyền, nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Cha mẹ phải có trách nhiệm trực tiếp trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện tại, bà H có việc làm ổn định về thời gian và thu nhập, có khả năng kinh tế tốt, do đó có điều kiện đảm bảo cho việc trực tiếp nuôi con. Ông T làm bảo vệ, công việc làm theo ca thay đổi sáng hoặc tối, việc chăm sóc trẻ A phải nhờ sự giúp đỡ của ông bà nội. Hiện tại hai trẻ còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai trẻ, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao trẻ Nguyễn Vũ Thiên A và Nguyễn Hoàng Minh K cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: bà H có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi trẻ. Ông T có ý kiến, trường hợp Tòa án giải quyết cho bà H được nuôi hai con chung thì ông T đồng ý sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) đối với mỗi trẻ. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà H là chính đáng và phù hợp, ông T cũng thống nhất với mức cấp dưỡng bà H yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ dân sự khác: bà H và ông T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí:

Do các đương sự đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định).

Ông Nguyễn Phước T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 51, 53, 56, 57, 58, 69, 71, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Hoàng Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Hoàng Ngọc H và ông Nguyễn Phước T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2018 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: bà H và ông T cùng xác nhận có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Vũ Thiên A, sinh ngày 30/3/2019 và Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 06/02/2021.

Giao trẻ Nguyễn Vũ Thiên A và trẻ Nguyễn Hoàng Minh K cho bà Vũ Hoàng Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Phước T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Nguyễn Vũ Thiên A và trẻ Nguyễn Hoàng Minh K số tiền 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng) cho mỗi trẻ. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 01 dương lịch hằng tháng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 01/05/2022 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng cho con thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ dân sự khác: bà H và ông T cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Vũ Hoàng Ngọc H phải chịu tiền án phí thỏa thuận tự nguyện ly hôn là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0032712 ngày 04/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H được nhận lại 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Phước T phải chịu tiền án phí thỏa thuận tự nguyện ly hôn là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm